

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày 21-11-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu
di dời cây trên đất, yêu cầu hủy một phần
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Chung

Bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Các ngày 12 và 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lương Xuân H, sinh năm 1977, trú tại Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2019. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị T là ông Lương Văn C- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lương Xuân H1, sinh năm 1960. Địa chỉ tại: Thôn B, xã Hi, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện B. Đại diện theo ủy quyền ông Trần Nam S - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Theo văn bản ủy quyền số 1260/UB-QĐND ngày 23/10/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Lương Xuân H, sinh năm 1977. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lương Xuân H là ông Lương Văn C- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Lương Xuân H2, sinh năm 1986. Có mặt.

4. Chị Lương Thị H3, sinh năm 1976. Có mặt.

5. Chị Dương Thị G, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

6. Chị Lương Thị T1, sinh năm 1979: Địa chỉ: Xóm 3, Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lương Xuân H2, chị Lương Thị H3, chị Dương Thị G, chị Lương Thị T1: Anh Lương Xuân H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn B xã H, B, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2019. Có mặt.

7. Bà Triệu Thị N. Vắng mặt.

8. Anh Lương Văn T. Có mặt.

9. Anh Lương Văn T1. Vắng mặt.

10. Anh Lương Văn T2. Vắng mặt.

11. Chị Lương Thị T4. Vắng mặt.

12. Chị Hoàng Thị H5. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: của Lương Văn T, Lương Thị T4, Lương Văn T1, Lương Văn T2 là ông Lương Xuân H1. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Hoàng Công L2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Bản B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/6/2019, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là anh Lương Xuân H trình bày: Đất tranh chấp tại khe H, H, thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, được gia đình bà khai phá từ năm 1990 trồng hoa màu, đến năm 1995 được nhà nước cấp sổ Bìa xanh có lô 405, diện tích 1,0 ha mang tên bà là Lương Thị T, năm 1999 kê khai cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 405, diện tích 1.0 ha. Năm 2008 Nhà nước đo đạc lại bản đồ thì thửa 405 chuyển đổi thành thửa 59 diện tích 8.847m² có tên trên bản đồ là Lương Xuân H, nhưng gia đình vẫn chưa làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình quản lý sử dụng cho đến nay. Cho đến tháng 12/2017 thì ông Lương Xuân H1 đến phát rừng thì gia đình không biết,

tháng 02/2018 gia đình đã báo thôn để giải quyết, lúc này trên đất chưa trồng cây gì. Đến tháng 6/2018, nguyên đơn đi viện nên anh Lương Văn T con của ông Lương Xuân H1 trồng cây keo gia đình không biết. Trên đất hiện có cây keo của anh Lương Văn T trồng, 01 cây trám nguyên đơn trồng năm 1997, ngoài ra có cây tạp và cây bụi, gia đình đã yêu cầu gia đình ông Lương Xuân H1 di dời cây keo nhưng đến nay ông Lương Xuân H1 không thực hiện. Toàn bộ đất tranh chấp và tài sản trên đất trừ cây keo là tài sản của riêng nguyên đơn, không liên quan đến các con. Vì vậy bà Lương Thị T khởi kiện yêu cầu ông Lương Xuân H1 chấm dứt tranh chấp đối với diện tích đất 4.531,3m³ thuộc một phần thửa 59 và một phần thửa 84, thuộc tờ bản đồ số 02 bản đồ lâm nghiệp xã Hồng Thái, để gia đình quản lý sử dụng và sở hữu tài sản trên đất là các cây gỗ tạp. Buộc anh Lương Văn T di dời toàn bộ cây keo đã trồng trên đất đi nơi khác.

Bị đơn ông Lương Xuân H1 trình bày: Đất rừng tại H, khe K, thôn B, xã H trước đây là đất bỏ hoang, sau đó gia đình đi phát nương, làm rẫy, do tập quán canh tác nên cứ làm được vài năm đất hết màu thì lại bỏ một thời gian để cây mọc tự nhiên, sau đó lại làm nương. Năm 1995 gia đình được cấp sổ Bìa xanh lô số 402 diện tích 3,1 ha. Năm 1999 được cấp sổ Bìa đỏ diện tích 3,1 ha, nay là thửa 58 thuộc tờ bản đồ lâm nghiệp 2008 bao gồm phần đất tranh chấp hiện nay là 2.474m² thuộc thửa 59 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Hàng năm gia đình vẫn quản lý, năm 2018 con trai là Lương Văn T đã trồng cây keo. Do gia đình đã được canh tác ổn định lâu dài đối với diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được quản lý toàn bộ đất tranh chấp là 4.531,3m³, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích đất 2.474m² thuộc thửa 59 đã cấp cho bà Lương Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Lương Xuân H, Lương Xuân H2 và chị Lương Thị H, chị Dương Thị G, chị Lương Thị T1 trình bày thống nhất với quan điểm của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết về quyền lợi đối với thửa đất.

Anh Lương Văn T trình bày: Năm 2018 bố anh là Lương Xuân H1 cho anh phát rừng trồng cây keo thì xảy ra tranh chấp, tiền mua cây giống và thuê nhân công là của riêng anh. Nay nguyên đơn yêu cầu di dời cây keo anh không nhất trí. Về đất tranh chấp anh thống nhất với ý kiến của ông Lương Xuân H1.

Chị Lương Thị T4, Lương Văn T1, Lương Văn T2 không có yêu cầu độc lập, thống nhất với lời trình bày của ông Lương Xuân H1.

Người làm chứng ông Hoàng Công L2 trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình có giáp ranh với đất rừng nhà ông, ranh giới trước đây hai bên đã được thỏa thuận được, nay không còn tranh chấp. Diện tích hiện nay đang tranh chấp giữa bà Lương Thị T và ông Lương Xuân H1 không liên quan đến quyền lợi của ông nên ông không có ý kiến gì, ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Công văn số: 1392/UBND-TNMT ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung: Việc giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và

đất trồng rừng đối với lô 405 cho bà Lương Thị T và lô 402 cho ông Lương Xuân H1 là đúng trình tự thủ tục theo Nghị định số: 02-Cp ngày 15/01/1994. Thửa đất số 405, diện tích 1,0 ha bản đồ đất lâm nghiệp năm 1999 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N 876226 số vào sổ cấp giấy số 0385 QSDĐ/LN ngày 01/10/1999 cho bà Lương Thị T, nay là thửa 59 tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Hồng Thái năm 2008, quá trình đo đạc do các hộ dân sử dụng đất dẫn đo đạc nên không có thay đổi về diện tích, cạnh tiếp giáp. Thửa 402 diện tích 3,1 ha bản đồ đất lâm nghiệp năm 1999 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N 876241 vào sổ cấp giấy số 0448 QSDĐ/LN ngày 01/10/1999 cho ông Lương Xuân H1, nay là thửa 59 tờ bản đồ lâm nghiệp số 02 xã Hồng Thái năm 2008, quá trình đo đạc do các hộ dân sử dụng đất dẫn đo đạc nên không có thay đổi về diện tích, cạnh tiếp giáp. Qua kiểm tra hồ sơ xã Hồng Thái, bản đồ đất lâm nghiệp số 02 xã Hồng Thái đo đạc năm 2008 thì hộ ông Lương Xuân H chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 59, hộ ông Lương Xuân H1 chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 84.

Tại văn bản số 141/UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cho biết: Tại thời điểm giao sổ Bìa xanh thì hai hộ được cấp Bìa xanh đúng với vị trí và diện tích, đến khi chuyển sang bìa đỏ đều đúng vị trí và diện tích như sổ Bìa xanh vì năm 1999 chỉ chuyển đổi từ Bìa xanh sang Bìa đỏ đúng với số lô, diện tích và vị trí của từng thửa lô đất, khi thực hiện kê khai chuyển từ Bìa xanh sang Bìa đỏ đều tiến hành niêm yết công khai tại xã, khi không có ý kiến thắc mắc thì đủ điều kiện chuyển sang Bìa đỏ. Thửa 59, 84 chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân nào, vì lúc đo đạc hai hộ chưa thông nhất được ranh giới. Trước thời điểm xảy ra tranh chấp thì hộ ông Lương Xuân H1 là người quản lý sử dụng thường xuyên.

Tại văn bản số 248/CV-KL ngày 19/11/2019 của hạt kiểm lâm huyện Bình Gia cung cấp Việc giao đất cho các hộ gia đình có được thực hiện đúng theo quy định, khoanh vẽ ngoài thực địa theo sự chỉ dẫn của từng hộ gia đình. được đo đạc cụ thể, tuy nhiên thời điểm đó công nghệ chưa phát triển nên chỉ đo đạc thủ công (là phương pháp khoanh đổi diện và tính diện tích ước tính).

Văn bản số: 401/NN ngày 31/10/2019 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, huyện Bình Gia, cung cấp thông tin về cây trồng như sau: Cây keo có đường kính gốc dưới 05cm, thấp dưới 1m thì nếu phải di dời thì di dời được được nếu trồng vào mùa mưa, đào khoanh gốc và bó bầu; Nếu cây lớn và cao trên 1,5m thì không thể đảm bảo sống và phát triển bình thường.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2019 theo sơ họa thửa đất lập ngày 24/9/2019 và định giá tài sản như sau: Đất tại Hang Hân, Khe Khuân Lân, thôn B, xã H, có các cạnh và hướng tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L2; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân H1 đang sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị T đang sử dụng. Các đương sự đều khẳng định diện tích đất tranh chấp đã đo đạc là 4.531,3m³ có các điểm theo sơ họa là A-B-C-D- E' -T' -T-G-H-I-K-LM-N-O.

Trong đó có một phần diện tích thuộc thửa 59 mang tên Lương Xuân H là $2.474\text{m}^2 \times 5.000 \text{ đồng} = 12.370.000 \text{ đồng}$. Có các điểm A-B dài 41,59m; B-C dài 36,06m; C-D dài 8,25m; D-E' dài 23,26m; E'-T dài 54,99m; T-L dài 33,15m; L-M dài 29,68m; M-N dài 15,15m; N-O dài 70,24m: trong đó có một phần diện tích $510,5\text{m}^2$ gia đình bị đơn đã trồng cây keo. Tài sản trên đất: 01 cây trám trắng đường kính trên 20-25cm trị giá 1.000.000 đồng; 04 cây sâu sấu, 01 cây mạy càng quy ra là 03m^3 gỗ tạp $\times 200.000 \text{ đồng} = 600.000 \text{ đồng}$; cây keo mới trồng trên diện tích $510,5\text{m}^2$, đường kính gốc dưới 5cm có 153 cây $\times 8.000 \text{ đồng} = 1.224.000 \text{ đồng}$. Anh Lương Xuân H cho rằng cây trám trắng do anh trồng năm 1997, còn ông Lương Xuân H1 cũng cho rằng được trồng nhưng không nhớ năm trồng.

Một phần diện tích thuộc thửa 84 mang tên Lương Xuân H1 là $1.784,3 \times 5.000 \text{ đồng} = 8.921.500 \text{ đồng}$. Có các điểm I-K dài 23,13m. K-L dài 34,93m; L-T dài 33,15m; T-G dài 7,13m; H-I dài 73,10m; H-G dài 23,13m. Tài sản trên đất có cây keo mới trồng đường kính dưới 5cm có 353 cây $\times 8.000 \text{ đồng} = 2.824.000 \text{ đồng}$.

Một phần thửa 58 diện tích $460,1\text{m}^2$ mang tên Hoàng Công L2 các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu kiểm đếm tài sản và định giá. Cây mạy càng thuộc phần ranh giới nằm trên thửa 58 của ông Hoàng Công L2 không ảnh hưởng đến đất tranh chấp nên đương sự thống nhất không định giá. Ngoài diện tích đã đo đạc không còn tranh chấp thêm diện tích nào khác, không còn tranh chấp với ai khác. Các đương sự đều nhất trí sử dụng kết quả xem xét thẩm định và kiểm đếm tài sản ngày 24/9/2019.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án. Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm như trên.

Tại bản luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Lương Thị T, anh Lương Xuân H có nội dung: Diện tích đất tranh chấp đã được Nhà nước giao đất giao rừng cho bà Lương Thị T từ năm 1995 tại lô 405, năm 1999 gia đình kê khai cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 405 diện tích 01 ha. Gia đình thường xuyên quản lý sử dụng, không cho người khác chặt phá. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 147; 157; 164 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 11; 15; 135; 357 của bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 105; khoản 5 Điều 169; 189; 170; 175; 179, 203 Luật đất đai 2013. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Về án phí: Do bà Lương Thị T là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng miễn án phí cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết, quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nguyên tắc xét xử theo quy định của

pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 26; 91; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về đất và tài sản trên đất tranh chấp. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại các khoản 6 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc đã được hòa giải tại cơ sở, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, theo Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định có Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và có ủy quyền đại diện tham gia tố tụng. Đối với ông Hoàng Công L2 có ý kiến do đất tranh chấp không liên quan đến diện tích đất của gia đình, các đương sự khẳng định không tranh chấp phần diện tích đất thuộc thửa 58 của ông Hoàng Công L2, do vậy xác định ông Hoàng Công L2 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và có xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Về đất tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn cho rằng thời điểm được giao sổ Bìa đỏ thì diện tích được giao đến điểm H-I như trong sơ họa, gia đình vẫn quản lý rừng nhưng do điều kiện gia đình khó khăn nên một thời gian anh Lương Xuân H đi Miền Nam, bà Lương Thị T ở nhà thì thường xuyên ốm đau, đi viện điều trị nên không lên rừng thường xuyên được, do đó đến năm 2017 - 2018 gia đình bị đơn đến phát rừng trồng cây, gia đình nguyên đơn không ai được biết. Nay nguyên đơn căn cứ vào sổ Bìa xanh, Bìa đỏ yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ đất tranh chấp là 4.258,3m² là không có cơ sở. Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia, thửa đất số 405, nay là thửa 59, diện tích tranh chấp 2.474m² thuộc thửa 59 mang tên Lương Xuân H. Do vậy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đối với phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59 là phù hợp. Tài sản trên đất thuộc thửa 59: Có 01 cây trám trắng, 04 cây sâu sấu, 01 cây mạy càng đường kính 20cm quy ra gỗ tạp là 03m³ là tài sản trên thửa 59, các bên không chứng minh được là do ai trồng, tuy nhiên là tài sản trên đất, do vậy bà Lương Thị T được sở hữu. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T đòi với một phần diện tích 1.784,3 m² thuộc thửa 84.

[4] Yêu cầu của bị đơn: cho rằng diện tích đất đang tranh chấp hiện nay thuộc thửa 59 chính là diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại lô 402. Ông căn cứ vào mô tả trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng để yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp là không có phù hợp. Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân huyện B, thửa đất số 402, nay là thửa 84. Do vậy ông Lương Xuân H1 được quản lý sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 84 là 1.784,3 m² là có căn cứ. Đối với tài sản trên đất là 535 cây keo xác định đây là tài sản của của anh Lương Văn T trồng, ông Lương Xuân H1 không yêu cầu di dời cây, do đó anh Lương Văn T không phải di dời.

[5] Ý kiến của những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn không yêu cầu độc lập và đều có yêu cầu giải quyết cho bà Lương Thị T được quản lý sử dụng đất. Tuy nhiên diện tích đất có một phần là 2.474m² thuộc thửa 59 nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn như đã nhận định trên.

[6] Đối với yêu cầu của anh Lương Văn T: Quá trình giải quyết vụ án anh không có yêu cầu độc lập về đất tranh chấp, nhưng có tài sản riêng của anh Lương Văn T trồng trên phần đất tranh chấp 510,5m² thuộc thửa 59 có 153 cây keo. Đây là tài sản trồng trong thời gian xảy ra tranh chấp, nhẽ ra buộc phải di dời, nhưng căn cứ văn bản số: 401/NN ngày 31/10/2019 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, huyện B, thì đường kính gốc dưới 05cm, nhưng chiều cao trung bình là 1,2m đến trên 1,5m, do vậy di dời cây sẽ không đảm bảo sống và phát triển bình thường, do vậy buộc bà Lương Thị T mua cây và có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.224.000 đồng cho anh Lương Văn T như nhận định trên là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu của ông Lương Xuân H1 về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lương Thị T. Giấy chứng nhận là đúng trình tự, thủ tục, do vậy không có căn cứ chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lương Thị T và anh Lương Xuân H tại tại bản luận cứ thấy rằng: Do đất tranh chấp có một phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59 mang tên Lương Xuân H, thửa 59 được chuyển đổi từ thửa 405 đã được cấp Giấy chứng nhận cho bà Lương Thị T, do vậy Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đất tranh chấp và tài sản thuộc thửa 59 như đã nhận định trên là phù hợp.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, xét thấy lời đề nghị là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, do vậy các bên phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nay có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 các bị đơn được miễn án phí.

[11] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí là 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên các bên cùng phải chịu. Cụ thể nguyên đơn chịu 2.500.000 đồng; Bị đơn chịu 2.500.000 đồng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 186, 190, 199, khoản 1 Điều 589, khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 96, các khoản 2 và 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 24, khoản 9 Điều 26, các khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 khoản 1 Điều 166, điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Về quyền sử dụng đất:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bà Lương Thị T được quản lý sử dụng diện tích 2.474m² tại H, Khe K, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 59 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H. Có các điểm A-B dài 41,59m; B-C dài 36,06m; C-D dài 8,25m; D-E' dài 23,26m; E'-T dài 54,99m; T-L dài 33,15m; L-M dài 29,68m; M-N dài 15,15m; N-O dài 70,24m: Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L2; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân H1 được quản lý sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị T đang sử dụng. Tài sản trên đất: Bà Lương Thị T được sở hữu 01 cây trám trắng 03m³ gỗ tạp; 153 cây keo trồng trên diện tích 2.474m² và thanh toán giá trị cây cho anh Lương Văn T với số tiền là 1.224.000 đồng. (Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo.)

Buộc ông Lương Xuân H1 chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất bà Lương Thị T được quản lý, sử dụng nêu trên.

2. Ông Lương Xuân H1 được quản lý sử dụng diện tích là 1.784,3, tại H, Khe K, thôn B, xã H, huyện B, thuộc thửa 84 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp 02 xã H, huyện B. Có các điểm I-K dài 23,13m. K-L dài 34,93m; L-T dài 33,15m; T-G dài 7,13m; H-I dài 73,10m; H-G dài 23,13m. Các phía tiếp giáp Phía Đông giáp đường mòn; Phía Tây giáp đất ông Hoàng Công L2; Phía Nam giáp đất ông Lương Xuân H1 đang sử dụng; Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị T được quản lý sử dụng. Tài sản trên đất: Anh Lương Văn T không phải di dời 535 cây keo trên thửa 84. (Có theo sơ họa vẽ ngày 25/9/2019 kèm theo.)

Buộc bà Lương Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp tại diện tích đất của ông Lương Xuân H1 được quản lý, sử dụng nêu trên.

III. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lương Xuân H1 về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876226 số vào sổ cấp giấy số 0385

QSDD/LN ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia đã cấp cho bà Lương Thị T đối với một phần diện tích 2.474m² thuộc thửa 59.

IV. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0000642 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

V. Về chi phí tố tụng: Bà Lương Thị T và ông Lương Xuân H1 mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà Lương Thị T đã tạm nộp trước 5.000.000 đồng. Buộc ông Lương Xuân H1 phải trả cho bà Lương Thị T 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành thì phải chịu lãi xuất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự.

VI. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước

